

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 12-10-2018  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lương Ngọc Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Mạnh Cường  
2. Ông Nguyễn Văn Trò

- *Thư ký phiên toà:* Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:*  
Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/8/2018 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M - sinh năm: 1977 (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T - sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: đều ở khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh T kết hôn ngày 03/9/1995, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh T khoảng 02 năm thì vợ chồng ra ở riêng và làm ruộng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, anh T hay ghen tuông vì anh cho rằng chị có quan hệ với người đàn ông khác, anh T thường xuyên chửi bới xúc phạm chị, nhiều lần đánh chị, tuy đã được gia đình khuyên giải nhưng hai bên không khắc phục được

mâu thuẫn, anh T không thay đổi. Đến tháng 15/02/2018 do anh T đánh và đe dọa chị, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trường.

Bị đơn là anh T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng đúng như lời trình chị M. Còn cuộc sống vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 3/2015 thì xảy ra sự cố vợ chồng bất đồng quan điểm, do chị M mất phương hướng, không quan tâm đến chồng con, chị M chiều con làm hư con trai, không có trách nhiệm với gia đình nhà chồng, vì có quan hệ với người đàn ông khác, anh là chồng đã có nhưng động thái dẫn dắt cứu vãn, nhưng ngày càng tồi tệ, đến 15/02/2018 sự việc càng tồi tệ vì mâu thuẫn vợ chồng, chị M bỏ nhà, bỏ chồng con, bỏ chức năng làm dâu trưởng. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, anh không biết bà M đi đâu làm gì. Nay chị M cho rằng anh ghen tuông do chị có quan hệ với người đàn ông khác, đó là sự việc có thật chị M có quan hệ với người đàn ông khác qua tin nhắn điện thoại vì sự việc này nên anh mới dẫn đe, anh có chửi, xúc phạm chị và có đánh chị M khoảng 03 lần, từ khi chị M bỏ đi anh không gọi điện, anh cũng chưa nói với chị về việc về nhà để vợ chồng hàn gắn. Quá trình vợ chồng mâu thuẫn đã họp gia đình khoảng năm cuối năm 2016 có các chú, và các chị gái và mẹ vợ, anh có cam kết không chửi bới, đánh, xúc phạm chị M, chị M hứa không nhắn tin và quan tâm đến chồng con hơn, cùng ngày sau khi họp xong chị M tuyên bố vợ chồng hết tình cảm, sẽ sống ly thân. Nay chị M cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quan điểm của anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn giữ cho con đủ bố mẹ và để chị M phục hồi nhân cách, cải tà quy chính và tình cảm của anh với chị M chưa hết.

**-Về con chung:** Hai bên đều trình bày vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Hồng N - sinh ngày 29/10/1996 hiện nay đã thành niên, lao động tự túc được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Phạm Văn N - sinh ngày 08/11/2000 hiện nay là sinh viên Đại học Bách Khoa Hà Nội. Ly hôn, chị M để con chung lựa chọn ở với ai thì người đó nuôi, còn anh T không có ý kiến gì. Tại bản tự khai và tại phiên tòa cháu N có nguyện vọng ở với chị M, chị M đồng ý nuôi cháu N, anh T không có ý kiến gì.

- *Về tài sản chung, công nợ và quyền, nghĩa vụ tài sản:* Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm tranh chấp về việc ly hôn và không thống nhất việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát việc về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 56; Điều 58 , khoản 1,2 Điều 82, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phạm Văn T.
- Về con chung: Giao con chung là Phạm Văn N - sinh ngày 08/11/2000 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 10/2018. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị M không yêu cầu.
- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của chị M và anh T đều tại khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; chị M yêu cầu ly hôn và nuôi con chung . Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn T bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không tôn trọng, tin tưởng nhau. Anh T thường có những lời nói xúc phạm, đánh chửi chị M. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đó trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người phụ nữ đồng thời tránh sự ràng buộc không có lợi cho cả hai bên. Anh T cũng kháng định vợ

chồng có mâu thuẫn, anh có đánh chửi, xúc phạm chị M, nhưng lại không đồng ý ly hôn vì anh muốn giữ cho con có đủ bố mẹ và tình cảm của anh với chị M chưa hết, nhưng thực tế trong thời gian vợ chồng sống ly thân và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải, nhưng anh T cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cũng không quan tâm chăm sóc giúp đỡ chị M, bỏ mặc chị M sống thế nào thì sống, nên yêu cầu của anh T không có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Con chung là Phạm Thị Hồng N - sinh ngày 29/10/1996 hiện nay đã thành niên, lao động tự túc được, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Con chung là Phạm Văn N - sinh ngày 08/11/2000 hiện nay đang là Sinh viên Đại học Bách Khoa Hà Nội, cháu N có nguyện vọng ở cùng chị M, nên cần giao con chung là Phạm Văn N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M vì chị M không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công sức và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản: Hai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. *Về con chung:*

- Giao con chung là Phạm Văn N - sinh ngày 08/11/2000 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày 12/10/2018 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M không yêu cầu;

Chị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị M phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 008223 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Tam Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Lương Ngọc Dũng**